

Số: 18/2025/QĐST-HNGĐ

Điện Biên Phủ, ngày 25 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T - Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Hiện trú tại: Bản H, xã C, huyện T, tỉnh S

Bị đơn: Anh Cà Văn D - Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 03 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lò Thị T và anh Cà Văn D

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị T và anh Cà Văn D thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Chị Lò Thị T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Cà Thị T, sinh ngày 30/11/2015, anh D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Cà Văn M sinh ngày 20/10/2017 cho đến khi con đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ lấy về; Nợ phải trả
Diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ khoản 3, Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; khoản 7 Điều 26 Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH thì mỗi bên đương sự phải chịu 75.000đ án phí DSST, nhưng chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ theo biên lai thu tiền số 0001137 ngày 20/2/2025, chị T đã nộp đủ án phí DSST và được trả lại số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND TP ĐBP;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ HN;
- Kế toán; VP;

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên